

Chiến lược sống của người cao tuổi trước những biến đổi của gia đình nông thôn hiện nay

BẾ QUỲNH NGA

Gia đình là một thể chế xã hội quan trọng, đặc biệt đối với xã hội nông thôn. Ở Việt Nam hiện nay, gia đình đang phải đối mặt với những khó khăn do biến đổi kinh tế xã hội, cùng với nhà nước và cộng đồng, gia đình có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo phúc lợi và chăm sóc người cao tuổi (người cao tuổi). Đây là nhóm người già với những đặc trưng riêng (tuổi cao, sức khỏe yếu, mất sức lao động, v.v...), họ được xem như một nhóm yếu thế trong gia đình và cần được sự chăm sóc của gia đình.

Nghiên cứu về chiến lược sống của người cao tuổi nông thôn trước sự biến đổi của gia đình là một hướng tiếp cận mới trên cơ sở những nghiên cứu tổng thể về gia đình và về người cao tuổi ở Việt Nam. Bối cảnh một xã hội đang chuyển đổi như ở Việt Nam hiện nay là một điều kiện thuận lợi cho phép nắm bắt được sự chuyển đổi từ truyền thống sang hiện đại của gia đình nông thôn Việt Nam, đồng thời nhận diện được cơ chế thích ứng của người cao tuổi trước những biến đổi đó. Xuất phát từ thực tiễn trên, trong khuôn khổ hệ đề tài cấp Viện, tác giả đã chọn đề tài “chiến lược sống của người cao tuổi trước những biến đổi của gia đình nông thôn hiện nay”. Bài viết này là một số kết quả chính dựa trên tài liệu nghiên cứu định tính tại hai xã Ninh Hiệp và Yên Thường (Gia Lâm, Hà Nội).

1. Xếp xếp gia đình

Mô hình người cao tuổi sống chung với một trong số những người con đã trưởng thành được coi là hệ thống hỗ trợ chủ yếu mang tính truyền thống tại nhiều quốc gia châu Á. Tại các quốc gia này, có đến 81% người cao tuổi sống với con cháu trong một gia đình nhiều thế hệ (Knodel, John và Debavalya, 1992). Phần lớn người Việt Nam vẫn tiếp tục lao động khi tuổi đã cao, con số thống kê cho thấy rằng có đến 40% người cao tuổi vẫn phải làm việc, và tỷ lệ này ở vùng nông thôn chắc chắn còn cao hơn.

Tách hộ là một trong những đối sách của người cao tuổi nhằm làm giảm bớt những khó khăn cho đời sống tinh thần và vật chất. Người cao tuổi đồng bằng sông Hồng nếu có nhiều con thường tách hộ cho các con trai sau khi cưới được ít lâu, còn con gái đi lấy chồng thì theo về nhà chồng. Việc sống chung với gia đình con cái một thời gian sau khi cưới vợ cho con có ý nghĩa như là tập dượt cho đôi vợ chồng trẻ vượt qua những khó khăn để quen với cuộc sống gia đình. Khuôn mẫu sống chung với cha

mẹ một thời gian sau khi kết hôn hiện nay vẫn phổ biến ở nông thôn đồng bằng sông Hồng. Các cuộc phỏng vấn cho thấy, khi cho con cái ra ở riêng, cha mẹ thường chia cho mỗi người con một mảnh đất trên phần đất của gia đình, nếu gia đình đông con (3 người con trai trở lên) thì gia đình sử dụng đất 5% hoặc dành dụm mua thêm để chia cho các con. Người con trai được cha mẹ trợ giúp toàn bộ hoặc một phần để xây dựng ngôi nhà mới tùy vào hoàn cảnh của từng gia đình. Hầu như các gia đình ở nông thôn đồng bằng đều có một chiến lược chung: "*Cứ lấy vợ là tách hộ*".

Việc các gia đình tách hộ (nhất là các gia đình đông con) một mặt là để không làm phiền lẫn nhau, mặt khác con cái không ỷ lại cha mẹ, tự lo lấy cuộc sống của mình: "*Tôi nuôi con cho con trai (đứa nào cũng có hai đứa con) lớn rồi tôi mới cho ra ăn riêng. Anh lớn thì hai đứa, anh thứ hai thì làm nhà cho xong, nuôi hai con lớn mới cho ăn riêng. Tôi cho các anh ấy ăn riêng chủ yếu là để xây dựng cho các em*" (Nữ, 80 tuổi, TH 30).

Các gia đình nhỏ tách ra từ gia đình cha mẹ thường là sống quy tụ trong làng, trong xã. Họ vẫn có liên hệ thường xuyên với nhau và với gia đình gốc (cha mẹ). Mô hình sống riêng ăn riêng, hoặc ở chung nhưng ăn riêng vẫn bảo đảm một sự trợ giúp mạnh mẽ giữa các thế hệ. Việc sống gần đã tạo điều kiện cho các gia đình có thể tương trợ lẫn nhau trong lao động sản xuất, phần lớn ruộng của người già vẫn do con cháu làm hoặc con cháu cho tiền thuê người làm.

Trong xã hội Việt cổ truyền cũng vậy, mọi con trai thứ đã cưới vợ đều ra khỏi nhà cha ít lâu sau khi cưới để sống với chồng hoặc vợ (và các con của mình, nếu đã có con) trong một ngôi nhà riêng; con trai nào rời nhà bố cũng nhận được một phần tài sản của gia đình, kể cả ruộng tư (Nguyễn Tử Chi, 1989). Trương Hữu Quỳnh cũng cho biết trong xã hội truyền thống, người Việt, dù là quan lại hay bình dân, đều có tập quán chia gia tài đều cho các con, không phân biệt trưởng thứ (Trương Hữu Quỳnh, 1983).

Tại hai điểm nghiên cứu nhiều gia đình chỉ chia thừa kế cho con trai, còn con gái thì chỉ được cho một chút gọi là, thí dụ như cho 1- 2 tạ thóc, hoặc một chút vốn liếng hoặc không có gì. Khi hỏi về vấn đề này, chúng tôi thường nhận được câu trả lời: "*Không, con gái thì không cho gì sất*" hoặc "*Không, làm gì có gì mà cho*" (TH5; TH6, TH 8). Tuy vậy, những gia đình đủ ăn và khá giả cũng chia tài sản cho con gái. "*Mỗi đứa được cái xe đạp hoặc cho 5 thước đất làm nhà. Đứa gái cả nó ở đây, chồng nó ở đây luôn vì nhà chồng mãi trên làng D., huyện Đông Anh. Đứa sau thì cho xe đạp đấy*" (Nam, 73 tuổi, TH 9).

Một số trường hợp chia tài sản ngay sau khi lấy vợ gả chồng cho con nhưng không sang tên. Điều này cũng giống như tình hình một nghiên cứu về gia đình ở Thái Lan: người cao tuổi kéo dài thời gian chia tài sản với hy vọng con cái sẽ có trách nhiệm hơn với mình (S.L Popkin, 1979). Đó cũng chính là cách xấp xếp gia đình của một số người cao tuổi ở nông thôn hiện nay, khi mà họ còn chưa tin vào khả năng trợ giúp của con cái, chưa biết chọn người con nào để sống cùng. Gia đình một người cao tuổi ở xã Yên Thường là một ví dụ, nhà có 4 con trai và 2 con gái. Ông bà hiện sống

với người con trai út nhưng ăn riêng, chia tài sản cho 4 người con, trong đó 3 người đã có đất và nhà, còn một người được ông mua nhà ở nơi khác. Người đàn ông nói với chúng tôi: *"Tôi chia lần cuối cùng cách đây 3 năm, nhưng chưa sang tên cho đứa nào cả, vì ở nông thôn... Tôi nghĩ mình già, khi nào thích ở với đứa nào thì tôi ở, tôi đã có dự định rồi nhưng chưa ghi tên tuổi anh nào cả"* (Nam, 71 tuổi, TH 25).

Sống với ai trong hộ gia đình là một sự kiện quan trọng đảm bảo cho người cao tuổi có được một cuộc sống ổn định về vật chất và tinh thần. Con cháu và người thân (gia đình và họ hàng) là những yếu tố tạo nên mạng lưới xã hội sơ cấp cho người cao tuổi, những yếu tố quan trọng đầu tiên người già phải nghĩ đến khi sắp xếp cuộc sống của mình. Một nghiên cứu cho biết, người cao tuổi đồng bằng sông Hồng phần lớn sống với con cái (73,7%). Khoảng 7% sống độc thân, tỷ lệ này khá cao ở nông thôn, ở phụ nữ và các cụ trên 70 tuổi. Khoảng 57% sống trong hộ gia đình ba thế hệ. 83,95% những người được hỏi có đứa con gần nhất ở ngay trong hộ hoặc bên cạnh (Bùi Thế Cường, 1999).

Người cao tuổi chủ yếu sống với con và phần lớn là sống với gia đình con trai. Việc sống với con trai nào không có một chuẩn mực nhất định mà phụ thuộc vào từng gia đình. Sau khi cưới vợ và tách hộ cho các con trai sống riêng, gả chồng cho các con gái, người cao tuổi thường chọn một người con để sống. Theo như truyền thống thì người già thường ở với gia đình con trưởng - người sẽ tiếp tục thờ cúng tổ tiên. Trên thực tế thì không hẳn như vậy. Ở hai xã khảo sát chúng tôi nhận thấy có bước chuyển trong việc thu xếp gia đình của người cao tuổi: nhiều gia đình cha mẹ già thường sống với con út. Khi được hỏi tại sao họ không sống với con trưởng thì họ nói rằng, con út ở lại sau cùng vì còn cần giúp đỡ (con cái còn nhỏ, làm ăn kinh tế còn bở ngỡ)... do vậy họ ở lại để xây dựng cho con út. Hỏi sâu hơn, sau này ai là người thờ cúng thì một số người cao tuổi trả lời rằng, khi sắp qua đời họ sẽ về với con trưởng để con trưởng thờ cúng. Một số người khác thì nói rằng, ở với con nào thì con ấy thờ cũng được.

Trong một số trường hợp cha mẹ già lựa chọn ở với người con nào hợp với các cụ. Một người cao tuổi nói rằng: *"Theo tôi thì cứ ăn chung với bố mẹ đến khi bố mẹ mất, tùy thuộc vào con cái, nhưng nếu thích thì cho ăn riêng. Vì chúng tôi rất hiểu cuộc sống nhà nông: nếu có sự giúp đỡ của bố mẹ thì cuộc sống đỡ khó khăn hơn. Địa phương này không tùy thuộc vào con cả hay con út, có thể sống riêng; nếu là tôi thì cứ hợp với anh nào tôi ở với anh ấy"* (Nam, 60 tuổi, TH 15).

Con gái cũng là nguồn hỗ trợ đáng kể cho cha mẹ. Phần lớn những tài liệu phỏng vấn đều cho biết, con gái vẫn thường xuyên qua lại thăm hỏi quà bánh, làm ruộng, trợ giúp tài chính và chăm sóc cha mẹ khi ốm đau. Về mức độ đóng góp thường là *"Đóng góp bằng nhau hết (so với con trai)"* hoặc là *"Con gái còn hơn con trai vì chúng nó rôm rả hơn"* (TH 7; TH 16).

Người cao tuổi sống chung hoặc sống riêng đều được con cái hỗ trợ về lao động. Các con trai và con gái làm giúp hoặc cho tiền thuê mướn mảnh ruộng được chia. Sau đây là trường hợp một cụ 66 tuổi, gia đình nghèo có 3 trai, 2 gái. Hoàn

cảnh gia đình khó khăn cụ sống chung với người con út nhưng ăn riêng (hai vợ chồng sống cùng người chị dâu chồng goá, không con cái). Ông bà không có khoản tiết kiệm nào, chỉ có 4 sào 8 thước ruộng rau. Hàng ngày vợ chồng người con út đi làm, bà đi làm đồng về phải ẵm con cho họ, ông thì đi tưới rau. Con gái hàng vụ đưa tiền cho mẹ để mướn cấy, thuê mỗi sào 30 nghìn cấy, 30 nghìn cắt lúa, còn ông bà nhỏ cỏ, chăm bón. Theo bà thì “*Chúng cho còn tùy theo, mỗi đũa cho 50 nghìn còn lại chúng tôi tự lực*” (Nữ, 66 tuổi, TH 26).

Ở nhiều gia đình, con gái còn có trách nhiệm nhiều hơn con trai. Một cụ bà 77 tuổi goá chồng, 5 con (3 gái, 2 trai), hiện sống với con dâu và cháu (chồng chết) nhưng ăn riêng, nói: “*Con cái vẫn có trách nhiệm với tôi, nhưng con gái có trách nhiệm hơn vì con trai còn nàng dâu...*” (Nữ, 77 tuổi, TH 24). Không riêng gì các cụ bà, các cụ ông cũng có chung một tâm sự, sau đây là lời một cụ ông có 7 người con, 4 trai, 3 gái cũng tâm sự rằng: “*Ngoài các con trai ra, con gái càng thương chúng tôi hơn. Bây giờ chỉ còn cô út và cô lớn (một cô đã mất), chúng cho tiền luôn đấy, chúng cho mỗi lần vài chục, mỗi tháng vài lần và quà cáp, thế là đủ tiêu pha*” (Nam, 73 tuổi, TH10).

2. Các quan hệ xã hội và gia đình

Đối với người cao tuổi việc tham gia vào mạng lưới xã hội bên ngoài là sự bổ sung, tìm kiếm nguồn trợ giúp từ phía cộng đồng. Đó là các mối quan hệ họ hàng, hàng xóm láng giềng, bè bạn và các đoàn thể.

Có lẽ *hàng xóm láng giềng* là nơi đầu tiên người cao tuổi nghĩ đến trong cuộc sống hàng ngày cũng như khi gia đình có công có việc. Sống sát bên cạnh nhau, hàng xóm luôn là người đầu tiên biết về khó khăn của gia đình, và họ có thể có những trợ giúp cần thiết ngay khi người nhà và họ hàng chưa kịp đến. Hàng xóm có thể sang đánh gió, nấu bát cháo cho người cao tuổi khi ốm đau đột xuất nhưng con cái lại đi vắng. Họ có thể cho vay tiền làm ăn, vay thóc khi giáp hạt. Ở một cuộc nghiên cứu khác, khi được hỏi về vai trò của hàng xóm đối với người cao tuổi, một người trả lời là cụ bà, nói rằng “*Hàng xóm là quan trọng nhất, rồi đến họ hàng*” và “*nếu ta giàu có thì họ hàng sẽ tốt với ta, nhưng nếu ta nghèo thì hàng xóm đối tốt với ta chứ không phải họ hàng*” (Hoàn cảnh người cao tuổi nghèo ở Việt Nam, 2001).

Hiện nay, nông dân có xu hướng kết bạn ngày càng nhiều hơn. Kinh tế phát triển, đời sống nâng cao, ở nông thôn rộ lên phong trào thành lập các tổ chức phi chính thức, các loại hình câu lạc bộ: “*Bây giờ nông dân đi chơi này, hàng xóm đi chơi này, Đồng niên đi chơi này, đồng học đi chơi này...*” (Nam, 71 tuổi, TH 8).

Quan hệ bạn bè đã tạo ra những cơ hội làm ăn, trợ giúp các gia đình cải thiện đời sống. Đây là lời một cụ ở xã Yên Thường “*Nhà tôi chẳng lúc nào vắng anh em bạn bè trong làng, họ hay tập trung chơi đông lắm. Ngồi chơi chuyện trò, anh nào làm kinh tế thì nói chuyện rút kinh nghiệm, hoặc làm gì thì rủ nhau*” (Nam, 71 tuổi, TH 25). Những gia đình người cao tuổi có con cái làm ăn thua lỗ, nhờ sự giúp đỡ của bạn bè đã làm ăn khá giả trở lại (TH5).

Nhiều người cao tuổi có cuộc sống khá giả đã mở rộng quan hệ bạn bè sang các địa phương khác để “mở rộng tầm mắt”. Giải thích về việc đi chơi của mình, một người trả lời nói rằng, yếu tố quan trọng nhất đối với người già là có sức khỏe, không phải lo nghĩ. Và việc đi lại thăm nom bạn bè theo ông rất có ích cho sức khỏe. Ông còn tham gia công tác xã hội với thôn xóm để giúp đỡ những người cao tuổi gặp khó khăn, hoặc đau ốm (Nam, 73 tuổi, TH 10).

Người cao tuổi tham gia rất tích cực vào các hình thức câu lạc bộ khác nhau, câu lạc bộ Dưỡng sinh, câu lạc bộ Cầu lông, câu lạc bộ Thơ, câu lạc bộ Hán nôm. Sinh hoạt ở các câu lạc bộ này, các cụ tăng cường được sức khỏe, tinh thần thoải mái, giảm bớt những mệt nhọc căng thẳng trong cuộc sống gia đình hàng ngày. Cần nói thêm rằng, người cao tuổi có cuộc sống đủ ăn và khá giả tham gia sinh hoạt các câu lạc bộ nhiều hơn vì ở các gia đình nghèo thì khả năng tham gia ít hơn nhiều do những khó khăn về mưu sinh “*Mình lúc nào cũng ra đồng thì lấy đâu ra thời giờ mà dưỡng sinh, mình lúc nào cũng sáng làm đồng, chiều lại chăn bò*” (Nam, 68 tuổi, TH 6).

Các đoàn thể chính thức mà người cao tuổi thường tham gia là Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh. Nhiều người cao tuổi trong các cuộc phỏng vấn của chúng tôi nói rằng, sống trong xã hội, có hội nọ hội kia cũng hay hơn, ở nhà không cũng chán. Thỉnh thoảng họp hành để thay đổi không khí. Đi chơi thì gặp anh em, lâu ngày, một tháng gặp nhau một lần thấy phấn khởi, giải quyết được tư tưởng.

Có chân trong các tổ chức xã hội, các cụ “Đi đâu, làm gì cũng có tổ chức”. Người cao tuổi họp lại với nhau phân công khi có công có việc như hội làng, tùy theo khả năng từng cụ làm được gì thì phân công. Sinh hoạt làm các cụ “*thấy phấn khởi, còn có ích cho xã hội. Nói chung người già bây giờ, còn mấy sức thì cũng đứng đầu làm trụ cột cho gia đình, các con. Mình làm trong đoàn thể, mình phải mẫu mực thì con cháu, làng nước mới theo mình*” (Nam, 73 tuổi, TH 19).

Những hội đoàn tương trợ giúp nhau về kinh tế cũng xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Đó là “*Hội thóc*” ở xã Ninh Hiệp của các bà, các chị. Theo lời một người cao tuổi tại Ninh Hiệp thì mỗi vụ, mỗi xuất các bà đóng 200.000 đ. Bên cạnh đó còn lại còn có “*Hội tiền*” mỗi tháng từng người cũng đóng 200.000 đ. Gia đình này tham gia trong số 22 người, ai có công việc gì thì cho lấy trước, không tính lời lãi, cũng không căn cứ giá cả, cứ đóng chừng ấy tiền. Mỗi suất lấy được khoảng hơn 4 triệu đồng mỗi đợt cho một người. Từ khi xây dựng “Hội” đến giờ không xảy ra vấn đề gì. Ai cần thiết thì lấy trước, “Hội tiền” giúp đỡ nhiều cho người cao tuổi lúc cần chi tiêu (nữ, 58 tuổi, TH 14).

Một hình thức sinh hoạt mang tính chất giới, đó là sinh hoạt ở đình của các cụ ông và chùa của các cụ bà. Sinh hoạt tại đình của các cụ ông thường vào các ngày rằm, mồng một hàng tháng và hàng năm có 2 ngày chính là tháng chạp và đám vào xuân tháng 2 (âm lịch). Hầu hết các cụ bà ở hai xã Yên Thường và Ninh Hiệp đều tham gia hội chùa (ở xã Ninh Hiệp gọi là “Nóc các già”). Nếu các cụ bận không đi được thì gửi tiền đóng hương hoa trên chùa, các cụ đi được thì góp 2000đ và 1 bò gạo

để “*Thổi đống*”. Các cụ qua đời thì các già cũng đến tụng kinh niệm phật để được tiêu sinh tịnh độ và đưa lên chùa làm lễ cầu siêu (nữ, 71 tuổi, TH 9).

Thay lời kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế - xã hội, gia đình nông thôn Việt nam thực sự đang đứng trước những thử thách lớn. Là một đơn vị kinh tế độc lập, gia đình phải lo tìm kiếm việc làm trong những điều kiện khó khăn: đất đai ít, sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ kém, chi phí cho giáo dục và y tế lớn. Hơn nữa, thiếu công ăn việc làm là hiện tượng phổ biến nên thành viên của một số gia đình phải di cư ra thành phố kiếm sống. Tất cả các áp lực này đã tác động đến gia đình, nhất là các gia đình nghèo có hoàn cảnh khó khăn như gia đình có người khuyết tật hay gia đình có người cao tuổi.

Đổi mới đã đem lại nhiều thay đổi trong đời sống gia đình và nhìn từ phía nhóm những người cao tuổi có thể thấy xuất hiện những khuôn mẫu mới trong sắp xếp cuộc sống và việc tham gia vào mạng lưới xã hội. Nhìn chung, những biến đổi đó đều ít nhiều liên quan tới cái mà giới nghiên cứu gọi là sự khôi phục lại “*chức năng kinh tế của gia đình*” nông dân hiện nay. Những tài liệu thu thập được, với tính chất của một nghiên cứu trường hợp, chưa cho phép nói gì nhiều hơn là những mô tả và gợi ý về một chiến lược sống của người cao tuổi trong bối cảnh biến đổi kinh tế - xã hội.

Những điểm mà theo chúng tôi còn phải tiếp tục nghiên cứu bao gồm:

1) Chức năng của chế độ thừa kế trong việc “tái sản xuất” các khuôn mẫu gia đình?

2) Vấn đề về liên hệ giữa sự lựa chọn sống với một trong số con trai và “*ý thích sống riêng*” của người cao tuổi, giữa *tách hộ* và những liên hệ trợ giúp thường xuyên?

3) Vị trí của người con gái, nhìn từ sự lựa chọn chiến lược sống của người cao tuổi (nhìn rộng ra là vị trí và vai trò của người con gái, người chị trong gia đình Việt) là một điểm quan trọng và lý thú của cấu trúc gia đình Việt và hình như chưa được giới nghiên cứu lưu tâm đúng mức. Trong khi đó, theo chúng tôi, đây rất có thể là một trong những hướng tìm tòi cho phép góp thêm dữ liệu vào cuộc thảo luận về những khuôn mẫu văn hóa Đông Á, Đông Nam Á của gia đình Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Barbieri M và Vũ Tuấn Huy: *Tác động của biến đổi kinh tế- xã hội đến một số khía cạnh của gia đình Việt Nam: nghiên cứu trường hợp tỉnh Thái Bình*. Hà Nội - 1996.
2. Bélanger Daniël: *Cơ cấu gia đình và mô hình hình thành gia đình ở Việt Nam trong những năm đầu thập kỷ 90*, 1995.
3. Bế Quỳnh Nga: *Các chương trình và chính sách quốc gia về người cao tuổi*. Tạp chí *Xã hội học*, số 2/1999.
4. Bế Quỳnh Nga: *Người cao tuổi ở miền Trung và Nam Bộ Việt Nam năm 2000 - phác thảo từ một số kết quả nghiên cứu định tính*. Tạp chí *Xã hội học*, số 3/2001.

5. Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội: *Hội thảo về người cao tuổi*. Kỷ yếu hội thảo. 11/ 1998.
6. Bùi Thế Cường: *Ba nguồn lực vật chất cơ bản của tuổi già đồng bằng sông Hồng*. Tạp chí *Xã hội học*, số 1/2000.
7. John Knodel và Nibhon Debavalya: *Hệ thống hỗ trợ kinh tế xã hội cho người cao tuổi ở châu Á: nghiên cứu ban đầu*. Tạp chí *Dân số châu Á Thái Bình Dương* 7 (3): 5-13, 1992.
8. Help Age: *Hoàn cảnh người cao tuổi nghèo ở Việt Nam*, 2001.

TRÊN GIÁ SÁCH CỦA NHÀ XÃ HỘI HỌC

*Tạp chí Xã hội học đã nhận đọc sách của các nhà xuất bản, các tác giả sau gửi tặng.
Cám ơn các nhà xuất bản, các tác giả và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.*

TẠP CHÍ XÃ HỘI HỌC

- THY ANH, TUẤN DƯƠNG (sưu tầm, tuyển chọn): **Những quy định mới nhất của Chính phủ về cải cách hành chính**. Nxb Lao động. 2004. 795 tr.
- PHẠM TUẤN BÌNH: **Tìm hiểu các tội phạm về chức vụ**. Nxb Lao động. 2003. 157tr.
- TRẦN NGỌC BÚT: **Chính sách nông nghiệp, nông thôn Việt Nam nửa cuối thế kỷ XX và một số định hướng đến năm 2010**. Nxb Chính trị Quốc gia. 2002. 276 tr.
- NGUYỄN TRỌNG CHUẨN, NGUYỄN VĂN HUYỀN (chủ biên): **Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa**. Nxb Chính trị Quốc gia. 2002. 365 tr.
- NGUYỄN CÚC (chủ biên): **Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong tình hình hiện nay: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn**. Nxb Chính trị Quốc gia. 2002. 169 tr.
- LÊ ĐĂNG DOANH: **Đổi mới quản lý khoa học ở Việt Nam** (sách tham khảo). Nxb Khoa học kỹ thuật. 2003. 255 tr.
- HOÀNG HÙNG (chủ biên): **Những người lao động sáng tạo của thế kỷ** (Tập 5). Nxb Lao động. 2001.
- TRƯỜNG LƯU: **Toàn cầu hóa và vấn đề bảo tồn văn hóa dân tộc**. Nxb Chính trị Quốc gia. 2003. 169 tr.
- NGUYỄN THỊ HỒNG MINH (biên soạn): **Một số quy định mới về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với người nghèo**. Nxb Chính trị Quốc gia. 2003. 24 tr.
- BÙI XUÂN MỸ, BÙI THIẾT, PHẠM MINH THẢO: **Từ điển lễ tục Việt Nam**. Nxb Văn hóa thông tin. 1996. 619 tr.
- LÊ THI NGỌC (biên tập): **Những quy định của Nhà nước về công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ chăm sóc trẻ em**. Nxb Lao động. 2002. 248 tr.

- NGUYỄN ĐÌNH NHƠN (biên tập): **Thế giới - Bức chân dung của thiên niên kỷ thứ hai**. Nxb Văn hóa thông tin. 2003. 241 tr.
- DƯƠNG BÁ PHƯƠNG: **Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa**. Nxb Khoa học xã hội. 2001. 240 tr.
- ĐẶNG KIM SƠN: **Công nghiệp hóa từ nông nghiệp: Lý luận thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam**. Nxb Nông nghiệp. 2001. 363 tr.
- NGUYỄN VĂN THÁI (chủ biên): **Tộc người và xung đột người trên thế giới hiện nay**. Nxb Khoa học xã hội. 2001. 326 tr.
- CHU VĂN THÀNH: **Dịch vụ công và xã hội hóa dịch vụ công: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn**. Nxb Chính trị Quốc gia. 2004. 378 tr.
- ĐẶNG VĂN THẮNG, PHẠM NGỌC DŨNG: **Chuyển dịch cơ cấu công - nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng: thực trạng và triển vọng**. Nxb Chính trị Quốc gia. 2004. 295 tr.
- NGUYỄN XUÂN THẮNG (chủ biên): **Một số xu hướng phát triển chủ yếu hiện nay của nền kinh tế thế giới**. Nxb Khoa học xã hội. 2003. 269 tr.
- NGUYỄN VĂN THỨC: **Sở hữu: Lý luận và vận dụng vào Việt Nam**. Nxb Khoa học xã hội. 2004. 213 tr.
- NGUYỄN BẰNG TƯỜNG (chủ biên): **Quan điểm Mác-xít về một số lý thuyết quan hệ quốc tế của các nước phương Tây hiện nay**. Nxb Chính trị Quốc gia. 2002. 99 tr.
- HỒNG VỸ: **Các biện pháp chống tham nhũng ở Trung Quốc**. Nxb Chính trị Quốc gia. 2004. 573 tr.
- NGUYỄN XUÂN (sưu tầm, biên soạn): **Những quy định mới về tuyển dụng, sử dụng, thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với người lao động và cán bộ công chức**. Nxb thống kê. 2003. 598 tr.
- BỘ THƯƠNG BINH VÀ LAO ĐỘNG XÃ HỘI: **Vấn đề phụ nữ và trẻ em thời kỳ 2001 - 2010**. Nxb Lao động xã hội. 2002. 227 tr.
- **Hệ thống văn bản về bảo trợ xã hội và xoá đói giảm nghèo**. Nxb Lao động xã hội. 2004. 563 tr.
- TỔNG CỤC THỐNG KÊ: **Báo cáo kết quả dự báo dân số Việt Nam 1994 - 2024**. 1999. 87 tr.
- TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, VIỆN BẮC ÂU NGHIÊN CỨU VỀ CHÂU Á TẠI ĐAN MẠCH: **Các giá trị văn hóa châu Á và sự phát triển ở Việt Nam trong bối cảnh so sánh**. 2000. 284 tr.
- VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG: **Một số vấn đề về phát triển thị trường lao động ở Việt Nam** (sách tham khảo). Nxb Khoa học kỹ thuật. 2003. 210 tr.
- **Về cải cách và mở cửa ở Trung Quốc**. Nxb Khoa học xã hội. 2002. 470 tr.